

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-03-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hoàng Anh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
(không tham gia).

Ngày 04 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; cư trú tại: Tổ N, khóm N, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Li, Yen - H; cư trú tại: Số A, khóm D, thôn X, làng C, huyện G, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 15/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Li, Yen - H kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn, chị sang Đài Loan chung sống với anh Li, Yen - H. Trong quá trình chung sống, chị và anh Li, Yen – H phát sinh mâu thuẫn do tính tình và cách sống không phù hợp. Vì vậy, chị trở về Việt Nam ở cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Li, Yen - H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Li, Yen – H trình bày: Anh và chị Trần Thị L tính tình không phù hợp, anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị L. Do bận công việc, không thể sang Việt Nam để giải quyết vụ án, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Li, Yen – H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh Li, Yen-H.

[2] Chị Trần Thị L và anh Li, Yen – H kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L là công dân Việt Nam với anh Li, Yen – H quốc tịch Lãnh thổ Đài Loan là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Và căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Trần Thị L và anh Li, Yen – H kết hôn do mai mối, hai người ở hai nước khác nhau, phong tục tập quán khác biệt, việc tìm hiểu nhau chưa kỹ. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình và cách sống không phù hợp. Từ cuối năm 2018 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, chị Trần Thị L và anh Li, Yen – H không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Chị Trần Thị L yêu cầu ly hôn, anh Li, Yen – H đồng ý. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Li, Yen – H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị Trần Thị L yêu cầu ly hôn với anh Li, Yen – H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L. Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Li, Yen – H.

2. Án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 3222 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ kể tuyên án chị Trần Thị L được quyền kháng cáo. Anh Li, Yen – H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHB: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn